

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/LĐ-ST
 Ngày: 22-8-2025
 V/v Tranh chấp đòi tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiễn
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Nhật Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 10/2025/TLST-LĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp đòi tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4/2025/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trần Văn Đ, sinh năm 1996. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tô B, phường T, Thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ liên lạc: 1079 B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần F.

Trụ sở: 621 H, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:

1. Ông Lê Chí T – Chức vụ: Giám đốc.

Hộ khẩu thường trú: 74 đường G, khu phố O, phường L,

Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Hộ khẩu thường trú: 65A tổ A, phường N, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2024; Bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được; nguyên đơn ông Nguyễn Trần Văn Đ trình bày:

Ông Nguyễn Trần Văn Đ là người lao động đang làm việc tại Công ty Cổ phần F, ký hợp đồng lao động số 10/2023/HĐLD-Fit24 ngày 01/02/2023. Hợp đồng lao động có thời hạn từ ngày 01/02/2023 đến hết ngày 31/01/2024 với quyền lợi như sau:

- Lương cơ bản: 5.010.000 đồng (năm triệu không trăm mười ngàn đồng)/tháng.

- KPIs: Tùy vào tình hình kinh doanh hàng tháng của Công ty với chức danh huấn luyện viên với tổng mức lương là: 5.010.000 đồng (năm triệu không trăm mười ngàn đồng)/tháng và kèm theo các chế độ, phúc lợi và hoa hồng hàng tháng. Tuy nhiên, Công ty đã nợ lương của ông Đ 05 (năm) tháng, cụ thể là các tháng 5, 6, 7, 8, 9/2024. Ông Đ đã nhiều lần liên hệ phòng nhân sự và B giám đốc nhưng chỉ nhận lại phản hồi là chờ đợi mà không có thời gian chi trả lương cụ thể.

Đến ngày 05/10/2024, Công ty đột ngột đóng tin đóng cửa toàn bộ hệ thống mà không có lý do cũng như thời gian cụ thể sẽ mở cửa trở lại. Từ khi đóng cửa đến nay, Công ty vẫn không hề thông báo bất kỳ thông tin gì về việc chi trả lương cho nhân viên.

Ông Đ đã nhờ Phòng L1 hòa giải về việc trả lương nhưng cả hai lần hòa giải thì đại diện phía công ty Cổ phần F đều không có mặt.

Vì vậy, nay ông Đ nộp đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân Quận T với mong muốn nhờ Tòa án xét xử để ông Đ nhận lại được tiền lương của mình, cụ thể như sau:

- Tháng 5/2024: Nợ hoa hồng: 946.000 đồng (chín trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

- Tháng 6/2024: Nợ hoa hồng: 9.024.000 đồng (chín triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

- Tháng 7/2024: Nợ lương cơ bản: 4.741.000 (bốn triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn đồng) và nợ hoa hồng: 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

Tháng 8/2024: Nợ lương cơ bản: 4.554.000 đồng (bốn triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn đồng) và nợ lương hoa hồng: 1.939.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi chín ngàn đồng).

- Tháng 9/2024: Nợ lương cơ bản: 4.676.000 đồng (bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Tổng cộng số tiền nợ lương: 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Tuy nhiên tại phiên hòa giải ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Buộc Công ty Cổ phần F có trách nhiệm trả lương còn thiếu cho ông cụ thể như sau:

- Tháng 7/2024: Nợ lương cơ bản: 4.741.000 đồng (bốn triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn đồng).

- Tháng 8/2024: Nợ lương cơ bản: 4.554.000 đồng (bốn triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

- Tháng 9/2024: Nợ lương cơ bản: 4.676.000 đồng (bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Tổng cộng: 13.795.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán tiền hoa hồng số tiền: 14.549.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng) cụ thể như sau:

- Tháng 5/2024: Nợ hoa hồng: 946.000 đồng (chín trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

- Tháng 6/2024: Nợ hoa hồng: 9.024.000 đồng (chín triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

- Tháng 7/2024: Nợ hoa hồng: 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

- Tháng 8/2024: Nợ lương hoa hồng: 1.939.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Bị đơn Công ty Cổ phần F vắng mặt và không có văn bản ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trần Văn Đ: tại bản ý kiến xác định các yêu cầu khởi kiện nguyên đơn yêu cầu:

Bị đơn Công ty Cổ phần F vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Thư ký là đúng thủ tục tố tụng quy định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Trần Văn Đ khởi kiện Công ty Cổ phần F trụ sở chính tại địa chỉ F H, phường X (trước đây là Phường V, Quận C) Thành phố Hồ Chí Minh về yêu cầu trả

tiền lương. Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 1 Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét tranh chấp giữa hai bên đã được hòa giải viên Phòng Lao động Thương binh Xã hội Quận T hòa giải nhưng không thành vào ngày 11/10/2024 và ngày 16/10/2024. Vì vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, bị đơn Công ty Cổ phần F đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2.] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Buộc Công ty Cổ phần F có trách nhiệm trả lương còn thiếu cho ông cụ thể như sau:

- Tháng 7/2024: Nợ lương cơ bản: 4.741.000 đồng (bốn triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn đồng).

- Tháng 8/2024: Nợ lương cơ bản: 4.554.000 đồng (bốn triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

- Tháng 9/2024: Nợ lương cơ bản: 4.676.000 đồng (bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Tổng cộng: 13.795.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán tiền hoa hồng số tiền: 14.549.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng) cụ thể như sau:

- Tháng 5/2024: Nợ hoa hồng: 946.000 đồng (chín trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

- Tháng 6/2024: Nợ hoa hồng: 9.024.000 đồng (chín triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

- Tháng 7/2024: Nợ hoa hồng: 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

- Tháng 8/2024: Nợ lương hoa hồng: 1.939.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Bị đơn Công ty Cổ phần F đã được triệu tập tham gia vụ án hợp lệ tuy nhiên không có mặt nên không xuất trình bất kì chứng cứ liên quan do đó căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án để xem xét.

Xét Hợp đồng lao động số 10/2023/HĐLĐ-Fit24 ngày 01/02/2023 có nội dung: thời hạn của hợp đồng lao động 01 (một) năm từ ngày 01/02/2023 đến 31/01/2024 với chức danh: Huấn luyện viên, lương theo TBL: 5.010.000 đồng/tháng.

Căn cứ Công văn số 370/BHXXH ngày 14/05/2025 của Bảo hiểm xã hội Q có nội dung: ông Nguyễn Trần Văn Đ, sinh năm 1996, số BHXH 7931215436 đã tham gia Bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần F1 thời gian cụ thể như sau:

- + Từ tháng 02/2023 đến tháng 09/2024 với mức lương: 5.010.000 đồng.
- + Từ tháng 10/2024 đến nay: nghỉ không lương.

Như vậy, đủ cơ sở xác định nguyên đơn ông Đ và Công ty Cổ phần F có xác lập quan hệ lao động từ tháng 02/2023 đến tháng 9/2024 với mức lương 5.010.000 đồng. Sự thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 13, 14 của Bộ luật Lao động nên làm phát sinh hiệu lực thực hiện về quyền và nghĩa vụ lao động của các bên.

Căn cứ vào sao kê số tài khoản số 041704060064020 của ông Nguyễn Xuân H1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 thì trong quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 12/2021 đến tháng 6/2024, Công ty Cổ phần F đã chi trả tiền lương đầy đủ. Tuy nhiên, từ tháng 7/2024, Công ty Cổ phần F đã không chi trả tiền lương cho ông H1 theo đúng thời hạn, việc nợ lương kéo dài từ tháng 7/2024 đến tháng 9/2024 đối với nhiều nhân viên Công ty trong đó có ông H1 dẫn đến việc Công ty đã đóng cửa hoạt động từ tháng 10/2024.

Căn cứ Phiếu thanh toán lương tháng 07/2024 và tháng 8/2024 thì số tiền thực lãnh của ông Đ sau khi trừ các khoản BHXH, quỹ Công đoàn là: 4.741.000 đồng và 4.554.000 đồng.

Căn cứ Điều 90 Bộ luật lao động năm 2019 quy định “Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác”.

Căn cứ khoản 1 Điều 94 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định “Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động...”.

Nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ nhưng Công ty Cổ phần F vắng mặt. Do đó, từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty Cổ phần F đã không thanh toán tiền lương cho ông Đ đúng hạn, vi phạm thỏa thuận của các bên và không tuân thủ theo quy định tại Điều 94, Điều 95 của Bộ luật Lao động. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần F thanh toán tổng số tiền lương còn thiếu của tháng 7, 8, 9/2024 là 13.795.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty Cổ phần F phải chịu án phí là 413.850 đồng (bốn trăm mười ba ngàn tám trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2025.

Căn cứ vào Điều 13, Điều 14, Điều 90, Điều 94, Điều 95 Bộ luật Lao động 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q2;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trần Văn Đ.

Buộc Công ty Cổ phần F phải thanh toán cho ông Nguyễn Trần Văn Đ tiền lương còn thiếu của tháng 7, 8, 9/2024 tổng số tiền là 13.795.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng). Thực hiện trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Trần Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty Cổ phần F còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty Cổ phần F phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 413.850 đồng (bốn trăm mười ba ngàn tám trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Trần Văn Đ và Công ty Cổ phần F có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 1;
- THA Dân sự TP. HCM (Phòng THA DS Khu vực 1)
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Nam Phương